

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TNH23B2** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH02209** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Sinh lý dinh dưỡng**
Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2358102064574	Trần Ngọc Phương	Anh	29/05/2008			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
2	2358102064575	Nguyễn Hoàng Kỳ	Bảo	25/02/2008			8	8.0	8.0		9.3		8.8
3	2358102064576	Huỳnh Tín	Đạt	05/12/2008			8	6.0	7.0		8.5		7.8
4	2358102064577	Dương Thúy	Huyền	07/07/2008			8	7.0	8.0		7.3		7.4
5	2358102064578	Trần Thị Kim	Khánh	25/08/2008			7	7.0	8.0		8.0		7.8
6	2358102064579	Hứa Trí	Kiên	07/01/2007			6	5.0	5.0		0.0		2.1
7	2358102064580	Nguyễn Trí	Kiệt	13/02/2008			6	6.0	5.0		7.8		6.9
8	2358102064581	Võ Lê Mỹ	Kiều	26/07/2008			8	7.0	8.0		7.0		7.2
9	2358102064582	Lê Bảo	Kỳ	10/11/2007			6	5.0	6.0		5.0		5.2
10	2358102064583	Nguyễn Lê Thanh	Ngân	28/07/2007			6	6.0	7.0		5.5		5.9
11	2358102064584	Trần Minh	Nhật	05/10/2007			8	7.0	8.0		7.3		7.4
12	2358102064585	Nguyễn Thị Thùy	Nhiên	13/06/2001			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
13	2358102064586	Huỳnh Văn Tài	Phong	03/04/2008			8	8.0	8.0		0.0		3.2
14	2358102064587	Trương Hồng	Thái	31/03/2008			7	6.0	6.0		6.8		6.6
15	2358102064588	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	02/01/2008			8	9.0	9.0		7.5		8.0
16	2358102064589	Võ Ngọc Mai	Trang	11/12/2008			7	8.0	7.0		5.0		6.0
17	2358102064590	Trần Ngọc	Trân	15/04/2008			7	7.0	8.0		9.8		8.8
18	2358102064591	Trần Thị Bảo	Trân	26/01/2008			5	7.0	6.0		5.3		5.7
19	2358102064592	Nguyễn Minh	Trí	04/05/2008			5	7.0	6.0		5.0		5.5
20	2358102064593	Nguyễn Hiếu	Trung	05/08/2008			8	9.0	9.0		9.3		9.1
21	2358102064594	Võ Thị Mỹ	Tú	02/04/2008			8	8.0	8.0		9.3		8.8
22	2358102064595	Nguyễn Ngọc Mỹ	Xuyên	10/02/2008			7	9.0	8.0		8.0		8.1

Châu Đốc, ngày 29 tháng 1 năm 2024

TP. Đào tạo Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng Trương Quốc Bình